

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2025/ĐS – ST

Ngày: 28/4/2025

V/v: Tc Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm.
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST- DSST ngày 21 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Huỳnh H, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1965 (có mặt)

HKTT: Xã Xuân Thới Long 1, huyện HM, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp Chà Đôn, xã LK, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị V, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Bà Trần Thị Y (B), sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã LH1, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh H trình bày: Bà Trần Thị Tuyết M là dì ruột bà H. Năm 2021 bà H cho bà M

mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Khi cho mượn không viết giấy tờ và không tính lãi suất nên bà M có gửi cho bà H giấy chứng nhận QSDĐ để làm tin. Tháng 12/2024 bà M lấy lại giấy chứng nhận QSDĐ để đổi sổ nên bà H trả lại. Do đó, ngày 11/12/2024 bà H yêu cầu viết giấy mượn tiền, nội dung bà H cho bà M mượn số tiền 30.000.000đ, không tính lãi suất. Hẹn khi nào bà M bán nhà đất ở tổ 2, ấp Chà Đôn, xã LK sẽ trả đủ tiền cho bà H. Sau đó, bà H biết được bà M đã bán nhà đất nên yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả. Khi khởi kiện bà H yêu cầu bà M trả số tiền 30.000.000đ. Tuy nhiên, do mẹ bà H là Trần Thị V đã nhận từ bà M 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng). Nay bà H đồng ý căn trừ 23.000.000đ nên rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu bà M trả cho bà H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), trả 01 lần, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M trình bày: Bà M vay tiền của bà H năm 2021, số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) khi vay không viết giấy nhưng có cầm giấy chứng nhận QSDĐ để làm tin. Không nhớ giấy chứng nhận QSDĐ số mấy, cấp ngày tháng năm nào. Lãi suất hàng tháng phải trả cho bà H 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) tiền lãi. Đã đóng được khoảng 10 tháng là 18.000.000đ. Đến tháng 12/2024 bà M bán nhà đất ở ấp Chà Đôn, xã LK nên đã trả cho bà H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền gốc thì bà H trả lại giấy chứng nhận QSDĐ. Do bà M không trả lãi nên bà H nói còn nợ 60.000.000đ tiền lãi. Bà M xin bà H chỉ trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nên ký giấy nợ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Sau khi ký giấy có trả cho bà H số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), gồm 3 lần: 01 lần đưa 15.000.000đ cho bà H, 01 lần đưa 13.000.000đ cho chị bà H tên Trần Thị Y để nhờ bà Y trả cho bà H. Lần đưa 10.000.000đ cho bà V để nhờ bà V trả cho bà H. Khi đưa số tiền 38.000.000đ cho bà Y và bà V để nhờ trả cho bà H không làm giấy tờ gì. Tổng cộng bà M đã trả cho bà H số tiền 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng). Nay bà M không đồng ý trả cho bà H số tiền 7.000.000 đồng. Đối với số tiền trả dư bà M không yêu cầu bà H trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Y trình bày: Cuối năm 2024 bà M có gửi cho bà Y số tiền 13.000.000đ để trả cho bà H. Số tiền này bà Y đã đưa cho bà V để trả cho bà H nhưng bà V đã sử dụng để điều trị bệnh.

Bà Trần Thị V trình bày: Bà V là mẹ của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Huỳnh H. Cuối năm 2024 bà M có gửi cho bà V số tiền 10.000.000đ để trả cho bà H. Khi gửi không viết giấy tờ. Ngoài ra, bà M có gửi cho bà Trần Thị Y số tiền 13.000.000đ để trả cho bà H. Tổng cộng bà M gửi số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) nhưng do bị bệnh nên bà V mượn lại để đi chữa bệnh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huỳnh H:

Buộc bà Trần Thị Tuyết M phải trả cho bà Trần Thị Huỳnh H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh H có đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị Tuyết M về việc yêu cầu bà M phải trả cho bà H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Do đó, xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Tranh chấp giữa bà H và bà M là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà H thừa nhận bà M có đưa tiền cho bà Trần Thị V và Trần Thị Y tổng cộng là 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) để nhờ trả cho bà H, nhưng bà V đã dùng để điều trị bệnh nên bà H không yêu cầu gì đối với bà V và bà Y. Bà H đồng ý cản trừ vào 30.000.000đ nên rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà M, chỉ yêu cầu bà M trả số tiền 7.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu này của bà H là tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 23.000.000đ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà M trả số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo bà M, năm 2021 có vay của bà H số tiền 30.000.000đ, khi vay hàng tháng phải trả lãi suất cho bà H 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng). Đã trả được khoảng 10 tháng là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Khi trả lãi không làm giấy tờ. Đến tháng 12/2024 bà M bán nhà đất ở ấp Chà Đôn, xã LK trả cho bà H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền gốc thì bà H đã trả lại giấy chứng nhận QSDĐ. Do bà M

không trả lãi nên bà H nói còn nợ 60.000.000đ tiền lãi. Bà M xin bà H chỉ trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nên bà M ký giấy nợ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Sau khi ký giấy bà M đã trả cho bà H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và gửi cho bà V và bà Y số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) để trả cho bà H.

Theo bà H, số tiền cho bà M mượn là 30.000.000đ, không tính lãi suất. Bà H không thừa nhận đã nhận của bà M khoản tiền lãi 18.000.000đ và số tiền 15.000.000đ.

Việc bà M cho rằng trả khoản tiền 18.000.000đ và số tiền 15.000.000đ cho bà H nhưng không có giấy tờ, cũng không có gì chứng minh. Do đó không chấp nhận ý kiến của bà M. Cần buộc bà M trả cho bà H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Bà H không yêu lãi suất nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Huỳnh H;

Buộc bà Trần Thị Tuyết M trả cho bà Trần Thị Huỳnh H số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà M về số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh hoàn lại cho bà H số tiền 750.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006848 ngày 21 tháng 02 năm 2025.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh